

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
Tuần 29: từ ngày 24/02/2025 đến ngày 02/03/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY						
K9-KTDN K10-KTDN P.303	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Tiếng anh (Linh) 3	GD chính trị (Thắm) 2 Pháp luật (Nga) 2	GDTC (Thúy) 4		Tin học (Hà) 4
					Tiếng anh (Linh) 4	
K9-DVTY K10-DVTY P.303	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Tiếng anh (Linh) 3	GD chính trị (Thắm) 2 Tiếng anh (Linh) 2	GDTC (Thúy) 4		Tin học (Hà) 4
					Tiếng anh (Linh) 4	
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT63A1 P.203	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Cây ăn quả (Hương) 3	Kiểm dịch TV (Lịch) 3	Cây ăn quả (Hương) 3	Kiểm dịch TV (Lịch) 3	Cây ăn quả (Hương) 3
CNTY63A3 P.301	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Ngoại sản (Lệ) 3	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 3	KT thịt và các SP khác (Quyên) 3	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 3	Ngoại sản (Lệ) 3
CNTY63A4 P.205	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Ngoại sản (Hưng) 3	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 3	Ngoại sản (Hưng) 3	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 3	KT thịt và các SP khác (Quyên) 3
KTDN63A P.204	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Kế toán HCSN (P.Thảo) 3	Kiểm toán (Hoa) 3	Tin học kế toán (Mai) 3	THKT trong DNSX (T.Thảo) 3	THKT trong DNSX (T.Thảo) 3
CNTT63A1 P.TH	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 SD các thiết bị VP (Trường) 3	Đồ học ứng dụng (Quang) 4	QTHT Web và Mail Server (Hà) 4	Xử lý ảnh với Corel Draw (Thảo) 4	SD các thiết bị VP (Trường) 4
CNTT63A2 P.TH	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Đồ họa ứng dụng (Quang) 3	QTHT Web và Mail Server (Hà) 4	Xử lý ảnh với Corel Draw (Thảo) 4	SD các thiết bị VP (Trường) 4	Đồ họa ứng dụng (Quang) 4

TT64A1 P.101	Sáng	Sinh hoạt lớp Thủy nông (Bình)	1 3	Côn trùng đại cương (Lịch)	4	Khuyến nông (Thọ)	4	Côn trùng đại cương (Lịch)	4	Hóa BVTV (Hương)	4
	Chiều							Khuyến nông (Thọ)	4	Côn trùng đại cương (Lịch)	4
CNTY64A1 P.102	Sáng	Sinh hoạt lớp VSV - TN (Hòa)	1 3	Tin học (Hà)	4	Dược lý thú y (Lệ)	4	Giống vật nuôi (Hằng)	4	CD và ĐTH thú y (Vân)	4
	Chiều										
CNTY64A3 P.202	Sáng	Sinh hoạt lớp Giống vật nuôi (H.Nga)	1 3	KTTG (Quyên)	4	VSV - TN (Hòa)	4	CD và ĐTH thú y (Lệ)	4	Giống vật nuôi (H.Nga)	4
	Chiều										
KTDN64A1 P.103	Sáng	Sinh hoạt lớp Giáo dục QP - AN (Mạnh)	1 3	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	KTDN 1 (Q. Mai)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4
	Chiều									Tài chính DN (Hoa)	4
KTDN64A2 P.306	Sáng	Sinh hoạt lớp Tài chính DN (Thúy)	1 3	Nguyên lý Marketing (Son)	4	Soạn thảo VB (Nga)	4	Tài chính DN (Thúy)	4	KTDN 1 (T. Thảo)	4
	Chiều									Luật kinh tế (Huyền)	4
CNTT64A1 P.305	Sáng	Sinh hoạt lớp GDTC (Quang)	1 3	Tiếng anh chuyên ngành (Phiên)	4	Lập trình cơ bản (Thảo)	4	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	Tổ chức QLDN (Son)	4
	Chiều							Tiếng anh chuyên ngành (Phiên)	4		
CNTT64A2 P.A202	Sáng	Sinh hoạt lớp Tiếng anh chuyên ngành (Phiên)	1 3	Mạng máy tính (Quang)	4	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	Tổ chức QLDN (T.Thảo)	4	Mạng máy tính (Quang)	4
	Chiều							GDTC (Quang)	4		
ĐCN63A1 P.A102	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp Trang bị điện (Đ.Đức)	1 3	Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4	Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4	Cung cấp điện (Tuấn)	4	Cung cấp điện (Tuấn)	4
ĐCN63A2 P.A103	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	1 3	Cung cấp điện (Đ.Đức)	4	Trang bị điện (Nga)	4	Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4	Cung cấp điện (Đ.Đức)	4
ĐCN64A1 P.A102	Sáng	Sinh hoạt lớp Máy điện (Tuấn)	1 3	Máy điện (Tuấn)	4	Truyền động điện (Đ.Đức)	4	Tiếng anh (Linh)	4	Máy điện (Tuấn)	4
	Chiều							Truyền động điện (Đ.Đức)	4		
ĐCN64A2 P.A103	Sáng	Sinh hoạt lớp Máy điện (Giáp)	1 3	Máy điện (Giáp)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Máy điện (Giáp)	4	Truyền động điện (Nga)	4
	Chiều							Tiếng anh (K.Nhung)	4		

ĐCN64A3 P.A301	Sáng	Sinh hoạt lớp Truyền động điện (Hòa)	1 3	Đo lường điện (Tuấn)	4	Đo lường điện (Tuấn)	4	Tiếng anh (Phiên)	4	Tiếng anh (Phiên)	4
	Chiều							Truyền động điện (Hòa)	4		
ĐCN 63B	Sáng										
	Chiều	Kỹ thuật ĐKTĐ (Dương)	4	Cung cấp điện (Huân)	4	Trang bị điện (Nga)	4	Cung cấp điện (Huân)	4	Kỹ thuật ĐKTĐ (Dương)	4
ĐCN64B	Sáng	Máy điện (Huân)	4	Máy điện (Huân)	4	Truyền động điện (Hòa)	4			Máy điện (Huân)	4
	Chiều										
TL63	Sáng										
	Chiều	Máy đóng cửa van (N.Đức)	4	VH máy bơm li tâm và hỗn lưu (Hoà)	4	Máy đóng cửa van (N.Đức)	4	VH máy bơm li tâm và hỗn lưu (Hoà)	4	Máy đóng cửa van (N.Đức)	4
TL64B	Sáng	Trắc địa (N.Đức)	4	Trắc địa (N.Đức)	4	Vẽ KT thủy lợi (Huyền)	4			Thủy văn (Hòa)	4
	Chiều							Trắc địa (N.Đức)	4		
KTDN63B	Sáng										
	Chiều	Kế toán HCSN (T.Thảo)	4	THKT trong DNSX (Dung)	4	Kế toán HCSN (T.Thảo)	4	THKT trong DNSX (Dung)	4	Tin học kế toán (Mai)	4
KTDN64B	Sáng	Tài chính DN (Dung)	4	Lý thuyết KT (T.Thảo)	4	Kinh tế vi mô (Mai)	4	Kinh tế vi mô (Mai)	4	Tài chính DN (Dung)	4
	Chiều							Kinh tế vi mô (Mai)	4		
CBBQ63	Sáng										
	Chiều	CB khô thủy sản (Liên)	3	KT chất lượng TS (Năm)	3	KT chất lượng TS (Năm)	3	CB khô thủy sản (Liên)	3	KT chất lượng TS (Năm)	3
CBBQ64	Sáng	CB đồ hộp thủy sản (Năm)	4	VSXN chế biến TS (Liên)	4	CB đồ hộp thủy sản (Năm)	4	VSXN chế biến TS (Liên)	4		
	Chiều							CB đồ hộp thủy sản (Năm)	4		
ĐKTĐ63	Sáng										
	Chiều	Tiếng anh CN hàng hải (T.Nhung)	3	Tiếng anh CN hàng hải (T.Nhung)	3	La bàn từ (Trung)	3	La bàn từ (Trung)	3	Địa văn hàng hải 2 (Tiến)	3
KTMĐT63	Sáng										
	Chiều	Xử lý các sự cố D.TT (Đông)	3	BD, SC thiết bị trên boong (Tiến)	3	Xử lý các sự cố D.TT (Đông)	3	BD, SC thiết bị trên boong (Tiến)	3	Xử lý các sự cố D.TT (Đông)	3

KTMTT64	Sáng	Tiếng anh chuyên ngành A1 (T.Nhung)	4	Vật liệu máy tàu thủy (Tiến)	4	Cơ kỹ thuật (N.Đức)	4	MT và bảo vệ MT thủy (Ảnh)	4	Cơ kỹ thuật (N.Đức)	4
	Chiều							Tiếng anh chuyên ngành A1 (T.Nhung)	4		
NTTS64	Sáng	Chuẩn bị công trình nuôi TS (Ảnh)	4	Chuẩn bị công trình nuôi TS (Ảnh)	4	Chuẩn bị công trình nuôi TS (Ảnh)	4	DD thức ăn trong NTTS (Năm)	4	QLCL nước trong nuôi TS (Ảnh)	4
	Chiều							Chuẩn bị công trình nuôi TS (Ảnh)	4		

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

THỨ LỚP		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
TT63A2 P.101	Sáng			Sinh hoạt lớp Cây ăn quả (Bình)	1 4	Kiểm dịch TV (Lịch)	4
	Chiều			Cây ăn quả (Bình)	4	Kiểm dịch TV (Lịch)	4
TT64A2	Sáng	Khuyến nông (Thọ)	4	Sinh hoạt lớp Bệnh cây đại cương (Lịch)	1 4	Hóa BVTV (Huệ)	4
	Chiều	Khuyến nông (Thọ)	4	Bệnh cây đại cương (Lịch)	4	Hóa BVTV (Huệ)	4
TT64A3 P.304	Sáng	GD chính trị (Thắm)	4	Sinh hoạt lớp Giáo dục QP - AN (Mạnh)	1 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4
	Chiều	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4
CN63A2 P.102	Sáng			Sinh hoạt lớp KT thịt và các SP khác (Phượng)	1 4	KTNPTB cho gà vịt (Duyên)	4
	Chiều			KTNPTB cho gà vịt (Duyên)	4	Ngoại sản (Lệ)	4
CN64A2 P.304	Sáng	GD chính trị (Thắm)	4	Sinh hoạt lớp Giáo dục QP - AN (Mạnh)	1 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4
	Chiều	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



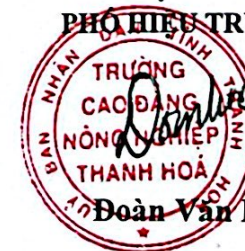
THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Tuần 29: từ ngày 24/02/2025 đến ngày 02/03/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH62B3 P.201	Sáng		Ngữ văn (Hằng) 4	Lịch sử (Dự) 2 Sinh học (Phượng) 2	Thi khảo sát chất lượng học sinh lớp 12	
	Chiều	HĐTN (Phượng) 1 Lịch sử (Dự) 3				
VH62B4	Sáng	Địa lý (Thúy) 4		HĐTN (Quyên) 1 GDKT và PL (Quyên) 3		
	Chiều		Toán (Nhưng) 4			
VH62B5 P.104	Sáng					
	Chiều	HĐTN (Quý) 1 Toán (Quý) 3	Ngữ văn (Hằng) 4			
VH63B1	Sáng	HĐTN (Nhưng) 1 Toán (Nhưng) 3	GDKT và PL (Đ.Thúy) 2 Toán (Nhưng) 2	Ngữ văn (Hằng) 4		Lịch sử (Hà) 4
VH63B3 P.203	Sáng	HĐTN (Hà) 1 Hóa học (Hà) 3	GDKT và PL (Quyên) 2 Lịch sử (Dự) 2		Toán (Thảo) 4	GDKT và PL (Quyên) 2 Sinh học (Phượng) 2
VH63B4 P.205	Sáng	HĐTN (Dự) 1 Lịch sử (Dự) 3	Ngữ văn (H.Hà) 2 Hóa học (Vân) 2			Toán (Nhưng) 4
VH63B5 P.A101	Sáng	HĐTN (Quế) 1 GDKT và PL (Quế) 3	Hóa học (Hà) 4	Toán (Thảo) 4	Địa lý (Thúy) 4	Ngữ văn (Hương) 4
VH63B6 P.302	Sáng	HĐTN (Hoà) 1 Ngữ văn (Hương) 3	Lịch sử (Dự) 2 Toán (Quý) 2	Toán (Quý) 4		Lịch sử (Dự) 2 Hóa học (Vân) 2
VH63B7 P.301	Sáng	HĐTN (Nga) 1 GDKT và PL (Nga) 3	Toán (Quý) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2 Vật lý (Hòa) 2	Địa lý (Nhài) 4	Toán (Quý) 2 Lịch sử (Dự) 2



VH63B8 P.204	Sáng	HĐTN (K.Nhung) Vật lý (Hòa)	1 3	GDKT và PL (Quế) Sinh học (Phượng)	2 2	Ngữ văn (Hương)	4		Toán (Thảo)	4
VH64B1	Chiều	HĐTN (Hằng) Ngữ văn (Hằng)	1 3	Địa lý (Thủy)	4	GDKT và PL (Đ.Thủy)	4		Lịch sử (Hà)	4
VH64B2 P.101	Chiều	HĐTN (Nhưng) Toán (Nhưng)	1 3	Lịch sử (Nhưng) Sinh học (Hồng)	2 2					
VH64B3 P.A202	Chiều	HĐTN (Vân) Hoá học (Vân)	1 3	Vật lý (Hòa) Toán (Quý)	2 2				Địa lý (Thủy)	4
VH64B4 P.A101	Chiều	HĐTN (H.Nga) Địa lý (H.Nga)	1 3	Hóa học (Hà) Lịch sử (Nhưng)	2 2				GDKT và PL (Đ.Thủy)	4
VH64B5 P.A301	Chiều	HĐTN (Hoà) Vật lý (Hoà)	1 3	Toán (Quý) Hóa học (Hà)	2 2				Lịch sử (Nhưng)	4
VH64B6 P.103	Chiều	HĐTN (H. Hà) Ngữ văn (H.Hà)	1 3	Địa lý (Nhài) CDLC Địa lý (Nhài)	2 2		Lịch sử (Nhưng)	4		
VH64B7 P.306	Chiều	HĐTN (Dự) Lịch sử (Nhưng)	1 3	Địa lý (Chung) CDLC Địa lý (Chung)	2 2		Toán (Thảo)	4		
VH64B8 P.102	Chiều	HĐTN (Phiên) GDKT và PL (Nga) Sinh học (Hồng)	1 1 2	Toán (Hương)	4		Địa lý (Chung) CDLC Địa lý (Chung)	2 2	Ngữ văn (Lý)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu